

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN CHÂU  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2025

V/v: *Không công nhận quan hệ  
vợ chồng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Văn Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2025/TLST - HNGĐ ngày 06-02-2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-6-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17-6-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20-6-2025; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị H, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Bản CM, xã CN, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh Cà Văn H, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Bản CM, xã CN, huyện TC, tỉnh Sơn La.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2022 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn gia đình, chị H và anh H đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị H yêu cầu ly hôn với anh Cà Văn H.

Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn H có 02 con chung là: Cháu Cà Thị KY, sinh ngày 31/7/2012 và cháu Cà Văn K, sinh ngày 28/8/2014. Trong thời gian sống ly thân, hai cháu ở với anh Cà Văn H.

Chị H đề nghị giao cháu Cà Thị KY và cháu Cà Văn K cho anh Cà Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung do không có điều kiện.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lò Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị H giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và yêu cầu miễn án phí.

Đối với bị đơn anh Cà Văn H: Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Cà Văn H để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Cà Văn H vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 20/5/2025 xác định: Anh Cà Văn H và chị Lò Thị H chung sống với nhau như vợ chồng tại bản CM, xã CN, huyện TC, tỉnh Sơn La và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình nên đã sống ly thân từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Anh Cà Văn H và chị Lò Thị H có 02 con chung đang ở với anh H từ khi anh H, chị H sống ly thân đến nay. Anh H có khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến của cháu Cà Thị KY, sinh ngày 31/7/2012 (Biên bản ghi ý kiến ngày 14/5/2025): Cháu Cà Thị KY có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với anh Cà Văn H và ông bà nội.

Ý kiến của cháu Cà Văn K, sinh ngày 28/8/2014 (Biên bản ghi ý kiến ngày 14/5/2025): Cháu Cà Văn K có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với anh Cà Văn H và ông bà nội.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn

ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị H và anh Cà Văn H.

Về con chung: Giao cháu Cà Thị KY, sinh ngày 31/7/2012 và cháu Cà Văn K, sinh ngày 28/8/2014 cho anh Cà Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị H theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Cà Văn H có nơi cư trú tại bản CM, xã CN, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Cà Văn H đã được Tòa án triệu tập tổng đạt hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến nay không đăng ký kết hôn. Chị H yêu cầu ly hôn với anh Cà Văn H.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Cà Văn H để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công

khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Cà Văn H vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Xét thấy: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Việc kết hôn không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị H và anh Cà Văn H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn H có 02 con chung là: Cháu Cà Thị KY, sinh ngày 31/7/2012 và cháu Cà Văn K, sinh ngày 28/8/2014. Trong thời gian sống ly thân, hai cháu ở với anh Cà Văn H.

Chị H đề nghị giao cháu Cà Thị KY và cháu Cà Văn K cho anh Cà Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Cà Văn H không có ý kiến.

Ý kiến của cháu Cà Thị KY và cháu Cà Văn K muốn tiếp tục ở với anh Cà Văn H và ông bà nội.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ý kiến của cháu Cà Thị KY và cháu Cà Văn K đều có nguyện vọng muốn ở với anh Cà Văn H và ông bà nội. Anh Cà Văn H có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian anh H và chị H sống ly thân, anh H đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng các cháu về mọi mặt. Do đó cần chấp nhận ý kiến của nguyên đơn, giao cháu Cà Thị KY và cháu Cà Văn K cho anh Cà Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Cà Văn H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị H là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị H. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị H và anh Cà Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Cà Thị KY, sinh ngày 31/7/2012 và cháu Cà Văn K, sinh ngày 28/8/2014 cho anh Cà Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (chị H) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị H xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Cà Văn H không có ý kiến. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị H.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H, anh Cà Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nông Văn Thịnh**